

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG  
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 23 tháng 05 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### **Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/6/2023 của Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; nghị định 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; luật 57/2024/QH15 ngày 15/01/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Hà Tiên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

#### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: [buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: [buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 26 tháng 05 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 05 tháng 06 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 06 năm 2025.

#### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế

Hà Tiên năm 2025.

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói tham khảo	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Số lượng
<b>I.Hóa chất xét nghiệm sử dụng đồng bộ cho máy huyết học 27 thông số</b>						
1	Dung dịch ly giải	dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và để xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical. - Dung dịch nước trong suốt và màu vàng nhạt - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 5% + Chất diện hoạt (Surfactant) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% + Dung dịch đệm (Buffer) + Chất pha loãng (Diluent) vừa đủ 100%	binh 5 lít	ISO, CE	lít	25
2	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	20L/thùng	ISO, CE	Lít	100
3	Nội kiểm 3 mức (thấp-trung bình-cao)	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp. Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC - Cộng đồng châu Âu) Số 1272/2008. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.	Bộ/9ml	ISO, CE	ml	27
<b>II- Hóa chất xét nghiệm, phụ kiện tương thích với máy sinh hoá tự động CA-800 Furuno</b>						
4	Control chung mức bình thường (QC2)	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô.	R1: 4x5ml	ISO, CE	ml	40

5	Control chung mức bệnh lý (QC3)	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô.	R1: 4x5ml	ISO, CE	ml	20
6	Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides Thành phần: GOOD pH 6.3: 50 mmol/L, p-Chloropheno: 2 mmol/L, Lipoprotein lipase (LPL): 150000 U/L, Glycerol kinase (GK): 500 U/L, Glycerol-3-oxidasa (GPO): 3500 U/L, Peroxidase (POD): 440 U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 0.1 mmol/L, ATP: 0.1 mmol/L	R1: 6x60 ml	ISO, CE	ml	360
7	Glucose	Xét nghiệm sinh hóa định lượng nồng độ GLUCOSE trong huyết thanh Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase > 25 U/ml Peroxidase > 2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl	R1: 6x60ml	ISO, CE	ML	720
8	Urea	Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính R1: Tris Buffer: =<100 mmol/l $\alpha$ -Ketoglutarate: =< 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): $\geq$ 10 KU/l GLDH (Microorganism): $\geq$ 3.8 KU/l R2: NADH: =< 1.66 mmol/l. '- Measuring range (phạm vi đo): =< 11.5- > = 300 mg/dl.	R1: 4x40ml, R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	600
9	CRP	Định nồng độ C-REACTIVE PROTEIN trong huyết thanh, huyết tương trong chẩn đoán viêm khớp, viêm ruột thừa. Thành phần: R1 (Buffer): Phosphate buffered saline (pH = < 7.43) Polyethylene glycol = < 40 g/l Sodium azide (< 0.1%) R2 (Antiserum): Phosphate buffered saline (pH = < 7.43) Polyclonal goat anti-human CRP variable	R1: 2x40ml R2: 1x20ml	ISO, CE	ml	100

		Sodium azide (< 0.1%) Measuring range (phạm vi đo): 0 – = < 22 mg/dl Đường cong hiệu chuẩn: > = 6 điểm				
10	Alcool	Quy cách: 10x10m/1x5ml - Đo nồng độ cồn trong huyết trương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. - Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD <sup>+</sup> , ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.	R1: 10x10x 0.5 ml	ISO, CE	ml	100
11	HDL - Cholesterol Direct	Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ HDL DIRECT trong huyết thanh. R1: MES buffer (pH 6.5): =< 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3- methylaniline: =< 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: =< 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: =< 30 ml/l MgCl <sub>2</sub> : =< 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) : =< 50 mmol/l Cholesterol esterase: =< 5 kU/l Cholesterol oxidase: =< 20 kU/l Peroxidase: =< 5 kU/l 4-aminoantipyrine: =< 0.9 g/l Detergent: =< 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): =< 1.90 - > = 193 mg/dl	R1: 4x30ml , R2: 4x10ml	ISO, CE	ml	320
12	Gamma GT	Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh để chẩn đoán sự tác nghẽn gan mật và được chú trọng trong tất cả các dạng của bệnh về gan Thành phần: Tris buffer (pH =< 8,25): =< 125 mmol/l Glycyl Glycine: =< 125 mmol/l L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4- nitroanilide: =< 20 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): = < 1.68 - > = 500 U/l	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	200

13	AST (GOT)	<p>Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): = &lt; 110 mmol/l, L-Aspartic acid: = &lt; 340 mmol/l, LDH: ≥ 4000 U/l MDH: ≥ 750 U/l; R2: CAPSO: = &lt; 20 mmol/l, 2-oxoglutarat: = &lt; 85 mmol /l, NADH: = &lt; 1.05 mmol/l, Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 3.84m- &gt; = 390 U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	600
14	ALT (GPT)	<p>Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): = &lt; 137.5 mmol/l, L-Alanine: = &lt; 709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l R2: CAPSO: = &lt; 20 mmol/l 2-oxoglutarate: = &lt; 85 mmol /l NADH: = &lt; 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 4.4- &gt; = 360 U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	600
15	Bilirubin TP	<p>Định lượng nồng độ BILIRUBIN TOTAL trong huyết thanh huyết tương chẩn đoán bệnh liên quan tuyệt mật.</p> <p>Thành phần: Sulphanilic Acid: = &lt; 28.87 mmol/l, HCl : = &lt; 58.8 mmol/l, Cetrimonium Bromide: = &lt; 68.6 mmol/l, Sodium Nitrite: = &lt; 2.90 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 0.08 - &gt; = 23 mg/dl</p>	R1: 4x40ml + R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	200
16	Bilirubin TT	<p>Định lượng nồng độ BILIRUBIN DIRECT trong huyết thanh huyết tương chẩn đoán bệnh liên quan tuyệt mật.</p> <p>Thành phần: Sulphanilic Acid: = &lt; 28.87 mmol/l, HCl: = &lt; 23 mmol/l Sodium Nitrite: = &lt; 2.9 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): từ = &lt; 0.18 đến &gt; = 23 mg/dl</p>	R1: 4x40ml + R2: 2x20ml	ISO, CE	ml	200
17	APTT	<p>Hóa chất đông máu APTT Test</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- R1 Activator: Ellagic acid. Buffer and Preservatives.</li> <li>- R2 Starter: Calcium chloride (CaCl<sub>2</sub>): 0.02M</li> </ul>	R1: 5x5ml , R2: 5x5ml	ISO, CE	ml	50
18	PT	<p>Hóa chất đông máu PT Test. Prothrombin Test</p> <p>Thành phần: PT: Thromboplastin não thỏ, calcium chloride, chất ức chế heparin và chất bảo quản. Đông khô.</p>	6X4ML	ISO, CE	ml	24

<b>III. Hoá chất thông dụng</b>						
19	Test chất gây nghiện (5 chất)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/AMP500/CODEIN300/THC50/HEROIN10/ng/ml trong nước tiểu Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác $\geq 99.9\%$	25 test/hộp	ISO, CE	Test	125
20	Test nhanh Syphilis	Định tính phát hiện kháng vi khuẩn giang mai trong huyết thanh hoặc huyết tương người, Kháng thể đơn dòng kháng Syphilic, kháng nguyên Syphilic tái tổ hợp, kháng thể dẻ kháng igG chuột	50test/hộp	ISO, CE	Test	50
21	Test nhanh HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99,88\%$	50 test/hộp	ISO	Test	150
22	Test nhanh anti HCV	"Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100 %	50test/hộp	ISO	Test	150
23	Test Troponin I (Card)	Phát hiện định tính Troponin I tim (cTnl) trong huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 96.9\%$ . Độ đặc hiệu: $\geq 97.3\%$ ; giới hạn phát hiện 0.5 ng/ml;	25 test/hộp	ISO, CE	Test	125
24	Test xét nghiệm kháng thể kháng H. pylori	Phát hiện kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân người. Test dạng cassette, thực hiện trên mẫu phân. Tiêu chuẩn CE. Độ nhạy $\leq 98.8\%$ , độ đặc hiệu $\leq 98.4\%$ Cung cấp kèm lọ xử lý mẫu kín.	25 test/hộp	ISO, CE	Test	50
<b>VI- Hóa chất xét nghiệm tương thích với máy nước tiểu URILYZER® 100pro</b>						
25	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	100que/hộp	ISO, CE	Que	100
<b>III- vật tư tiêu hao</b>						
26	Bóng đèn máy CA800	Bóng đèn sử dụng cho máy sinh hóa tự động CA 800	1 cái/hộp	ISO, CE	Cái	1
<b>IV- Hoá chất ngoại kiểm</b>						
27	Chương trình Ngoại kiểm sinh hoá	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng	Hộp/6 x 5 ml/	ISO	Hộp	1


		1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.				
28	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/3 x 2 ml/	ISO	Hộp	1
<b>Tổng cộng: 28 khoản</b>						

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị. 

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGĐ, CNTT (đăng tài), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.



**Nguyễn Hiếu Nghĩa**